



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGER
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

- Kiểm toán
- Audit
- Tư vấn Thuế
- Tax consulting
- Tư vấn Tài chính
- Financial advisory
- Thẩm định giá và xác định giá trị doanh nghiệp
- Valuation

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGER
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tháng 03 năm 2017



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Viger (gọi tắt là “Công ty”) đề trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Trần Thị Lệ Châu	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hội	Ủy viên
Ông Đỗ Đình Quý	Ủy viên
Ông Phan Xuân Thanh	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 13/06/2016)
Ông Lê Xuân Trung	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 13/06/2016)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Đình Quý	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15/01/2016, bổ nhiệm lại ngày 13/03/2017)
Ông Phan Xuân Thanh	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15/01/2016, miễn nhiệm lại ngày 13/03/2017)
Ông Đỗ Minh Hiếu	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 13/03/2017)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Đình Quý
Tổng Giám đốc
Viết Trì, ngày 14 tháng 03 năm 2017



Số: 145 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Viger

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Viger (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày ngày 14 tháng 03 năm 2017, từ trang 04 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi chưa thu thập được Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh và Dịch vụ Sông Hồng mà Công ty đầu tư vốn. Theo đó, chúng tôi không có cơ sở để xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá (nếu có) đối với khoản đầu tư nêu trên.

Công ty ghi nhận khoản chi phí trợ cấp thôi việc phát sinh năm 2014 và 2016 với tổng giá trị 2.141.728.188 VND vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ trong thời gian 03 năm. Nếu ghi nhận theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam thì khoản chi phí này phải ghi nhận vào chi phí khi phát sinh, phần chi phí còn lại đang ghi nhận trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.017.686.814 VND.

Trong năm 2016, Công ty đã không ghi nhận đầy đủ chi phí khấu hao của dây chuyền sản xuất nước giải khát, chi phí khấu hao cần ghi nhận bổ sung thêm vào năm 2016 là 717.361.749 VND. Nếu khoản chi phí khấu hao của Công ty được ghi nhận thì lợi nhuận trước thuế sẽ giảm đi với giá trị tương ứng.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		29.542.823.537	7.198.233.340
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		204.371.815	602.252.065
1. Tiền	111	5	204.371.815	602.252.065
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.270.464.290	3.519.639.281
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	24.087.458.130	2.955.630.978
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.739.340.280	72.269.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	518.854.185	566.927.608
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(75.188.305)	(75.188.305)
III. Hàng tồn kho	140	10	3.067.987.432	3.076.341.994
1. Hàng tồn kho	141		3.251.411.865	3.259.766.427
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(183.424.433)	(183.424.433)
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		32.455.591.829	42.134.297.300
I. Tài sản cố định	220		23.105.280.467	26.050.492.131
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	23.105.280.467	26.050.492.131
- Nguyên giá	222		118.726.282.742	118.369.988.301
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(95.621.002.275)	(92.319.496.170)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		156.772.727	156.772.727
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(156.772.727)	(156.772.727)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		176.810.407	135.405.922
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		176.810.407	135.405.922
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	7.000.000.000	13.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		6.000.000.000	12.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.000.000.000	1.000.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		2.173.500.955	2.948.399.247
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	2.173.500.955	2.948.399.247
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		61.998.415.366	49.332.530.640

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		32.580.709.674	20.562.021.145
I. Nợ ngắn hạn	310		32.580.709.674	20.562.021.145
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	21.588.617.816	2.469.458.707
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	15.520.000	4.780.207.218
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	4.445.766.449	5.480.372.774
4. Phải trả người lao động	314		1.303.671.123	1.207.904.327
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	188.062.485	116.574.668
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	1.484.366.081	2.569.839.236
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	3.082.930.075	3.543.123.998
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		471.775.645	394.540.217
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		29.417.705.692	28.770.509.495
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	29.417.705.692	28.770.509.495
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		24.028.500.000	24.028.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		24.028.500.000	24.028.500.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.791.088.601	3.628.081.231
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.598.117.091	1.113.928.264
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		83.706.060	111.553.718
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.514.411.031	1.002.374.546
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		61.998.415.366	49.332.530.640



Đỗ Đình Quý
Tổng Giám đốc
Việt Trì, ngày 14 tháng 03 năm 2017

Ngô Thị Tuyết
Kế toán trưởng

Lê Thị Bùi Xuân
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	122.232.605.924	59.107.454.530
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	71.911.417	60.475.538
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	21	122.160.694.507	59.046.978.992
4. Giá vốn hàng bán	11	22	110.741.824.994	49.687.751.652
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		11.418.869.513	9.359.227.340
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	1.422.499.837	317.952.341
7. Chi phí tài chính	22	24	1.487.671.411	255.794.114
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		287.849.189	255.794.114
8. Chi phí bán hàng	25	25	4.203.903.675	2.152.107.093
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	5.215.790.391	5.558.974.088
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		1.934.003.873	1.710.304.386
11. Thu nhập khác	31		474.051.912	453.314.129
12. Chi phí khác	32		59.193.829	443.287.789
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		414.858.083	10.026.340
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.348.861.956	1.720.330.726
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	485.140.875	374.290.328
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.863.721.081	1.346.040.398



Đỗ Đình Quý
Tổng Giám đốc
Việt Trì, ngày 14 tháng 03 năm 2017

Ngô Thị Tuyết
Kế toán trưởng

Lê Thị Bùi Xuân
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số năm nay	Số năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	132.101.720.060	66.022.381.544
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(91.766.814.012)	(26.514.528.129)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(5.979.683.496)	(6.019.379.250)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(288.397.627)	(259.420.972)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(494.020.222)	(341.749.681)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.658.567.089	107.673.782
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(33.834.623.301)	(31.226.793.088)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.396.748.491	1.768.184.206
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(525.893.637)	(1.579.730.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	154.545.454	6.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.401.100	48.146.321
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(367.947.083)	(1.525.583.679)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	16.550.491.562	13.576.247.134
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(17.010.685.485)	(13.189.380.715)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(966.487.735)	(695.080.833)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.426.681.658)	(308.214.414)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(397.880.250)	(65.613.887)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	602.252.065	667.865.952
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	204.371.815	602.252.065



Đỗ Đình Quý
Tổng Giám đốc
Việt Trì, ngày 14 tháng 03 năm 2017

Ngô Thị Tuyết
Kế toán trưởng

Lê Thị Bùi Xuân
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Viger (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Bia rượu Viger - doanh nghiệp nhà nước được chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2106/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 24/07/2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2600103843 lần đầu ngày 29/12/2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 02/02/2016.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hiện hành là 24.028.500.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 75 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 96 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất bia;
- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ;
- Bán buôn đồ uống có cồn, bán buôn đồ uống không có cồn;
- Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai; Sản xuất nước giải khát có ga và không có ga; Sản xuất đồ uống không cồn;
- Sản xuất đồ uống có cồn được chưng cất hoặc pha chế các loại rượu mạnh: Rượu whisky, rượu gin, rượu mùi, đồ uống hỗn hợp...; Pha chế các loại rượu mạnh đã chưng cất; Sản xuất rượu mạnh trung tính;
- Sản xuất các loại bánh từ bột; Sản xuất mỳ ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất rượu vang; Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa);
- Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Bán buôn thực phẩm khác;
- Bán buôn xăng, dầu và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn tổng hợp;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn phân bón; Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Sản xuất cồn êtylic; Bán buôn, bán lẻ cồn êtylic.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 01 công ty con và 01 công ty liên kết:

- Công ty con Công ty TNHH MTV Viger Hà Nội. Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết là 100%.
- Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh và Dịch vụ Sông Hồng. Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết là 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 3.023.886.137 VND cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã nhận biết được vấn đề này và sẽ tiếp tục trao đổi với chủ nợ để gia hạn các khoản nợ tới hạn trả trong năm tiếp theo. Ngoài ra, Công ty cũng đã dự báo đủ dòng tiền chi tiêu cho năm tài chính tiếp theo. Do đó, vấn đề mất cân đối khả năng thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (nếu có) sẽ không ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty trong năm tài chính tiếp theo.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Công cụ tài chính (Tiếp theo)*****Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với hoạt động sản xuất: giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với hoạt động thương mại: giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có một số hàng tồn kho chậm luân chuyển, Công ty sẽ xem xét sử dụng vào các kỳ sau. Trong trường hợp không sử dụng được, Công ty sẽ có phương án xử lý lượng hàng chậm luân chuyển này.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Thời gian khấu hao</u> (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc, thiết bị	04 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm quản lý.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh của Công ty, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo, tiếp thị sản phẩm phát sinh trong kỳ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành của Công ty.

Nợ phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn điều lệ thực góp của các thành viên góp vốn. Vốn bổ sung hàng năm từ lợi nhuận của Công ty.

Phân phối lợi nhuận của Công ty theo Quyết định của Hội đồng Quản trị. Năm 2016 Công ty đang tạm trích lập các quỹ mà chưa có Quyết định phê duyệt chính thức.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	27.710.830	137.821.385
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	176.660.985	464.430.680
	204.371.815	602.252.065

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	24.087.458.130	2.955.630.978
Công ty TNHH Một thành viên Viger Hà Nội	1.385.376.049	-
Công ty TNHH XNK và Thương mại Hợp Thịnh	22.544.025.000	-
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	-	2.713.561.520
Các đối tượng khác	158.057.081	242.069.458
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	1.385.376.049	2.713.561.520
Công ty TNHH một thành viên Viger Hà Nội	1.385.376.049	-
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	-	2.713.561.520

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.739.340.280	72.269.000
Công ty Thương mại và Tư vấn đầu tư	1.669.215.280	-
Các đối tượng khác	70.125.000	72.269.000
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	1.669.215.280	-
Công ty Thương mại và Tư vấn đầu tư	1.669.215.280	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác	518.854.185	-	566.927.608	-
Tạm ứng	202.346.559	-	251.423.000	-
Phải thu khác	316.507.626	-	315.504.608	-
- Công ty TNHH MTV Viger Hà Nội	210.352.070	-	209.349.052	-
- Công ty CP Mía đường Sơn Dương	106.155.556	-	106.155.556	-
b) Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan	316.507.626	-	315.504.608	-
Công ty TNHH MTV Viger Hà Nội	210.352.070	-	209.349.052	-
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	106.155.556	-	106.155.556	-

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Lê Mỹ Nhuận	31.460.305	-	31.460.305	-
Thái Thị Yến	17.000.000	-	17.000.000	-
Công ty Cổ phần HTX Séc Việt	9.900.000	-	9.900.000	-
Nguyễn Quang Phúc	8.828.000	-	8.828.000	-
Hoàng Đình Khánh	8.000.000	-	8.000.000	-
	75.188.305	-	75.188.305	-

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.735.213.153	(183.424.433)	2.553.120.194	(183.424.433)
Công cụ, dụng cụ	34.275.496	-	113.452.227	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	380.306.761	-	378.585.320	-
Thành phẩm	87.216.435	-	210.168.666	-
Hàng hóa	14.400.020	-	4.440.020	-
	3.251.411.865	(183.424.433)	3.259.766.427	(183.424.433)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	12.224.755.245	98.852.572.961	7.145.286.095	147.374.000	118.369.988.301
- Mua trong năm	-	362.000.000	-	76.298.182	438.298.182
- Đầu tư XDCB hoàn thành	177.028.182	-	-	-	177.028.182
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(178.941.923)	(80.090.000)	(259.031.923)
Số dư cuối năm	12.401.783.427	99.214.572.961	6.966.344.172	143.582.182	118.726.282.742
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	7.145.670.285	80.238.391.687	4.824.807.860	110.626.338	92.319.496.170
- Khấu hao trong năm	407.222.774	2.350.500.044	637.018.419	12.267.831	3.407.009.068
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(58.156.125)	(47.346.838)	(105.502.963)
Số dư cuối năm	7.552.893.059	82.588.891.731	5.403.670.154	75.547.331	95.621.002.275
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	5.079.084.960	18.614.181.274	2.320.478.235	36.747.662	26.050.492.131
Tại ngày cuối năm	4.848.890.368	16.625.681.230	1.562.674.018	68.034.851	23.105.280.467

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 9.232.000.179 VND (ngày 31/12/2015 là 7.196.014.150 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định mang đi thế chấp cho khoản vay tại ngân hàng tại ngày 31/12/2016 là 19.371.600.970 VND (ngày 31/12/2015 là 18.247.795.047 VND).

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
- Đầu tư vào công ty con	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
	7.000.000.000	-	7.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

b) Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Viger Hà Nội	Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh các mặt hàng cồn, rượu, bia, nước giải khát các loại

Hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH MTV Viger Hà Nội trong năm 2015 là thương mại, kết quả kinh doanh có lãi.

c) Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm	Hoạt động chính
Công ty CP Đầu tư Kinh doanh và Dịch vụ Sông Hồng	TP. Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ	20%	20%	Đúc kim loại màu

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí trả trước dài hạn	2.173.500.955	2.948.399.247
Chi phí quảng cáo tiếp thị	107.717.623	1.366.198.753
Chi phí trợ cấp thôi việc	1.017.686.814	221.699.632
Công cụ dụng cụ	1.048.096.518	1.355.046.318
Các khoản khác	-	5.454.544

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	21.588.617.816	21.588.617.816	2.469.458.707	2.469.458.707
Công ty CP Mía Đường Sơn Dương	21.504.025.000	21.504.025.000	574.000.000	574.000.000
Công ty TNHH MTV Viger Hà Nội	-	-	1.177.047.850	1.177.047.850
Công ty Cổ phần XNK Hà Anh	-	-	617.052.500	617.052.500
Đối tượng khác	84.592.816	84.592.816	101.358.357	101.358.357
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	21.504.025.000	21.504.025.000	1.751.047.850	1.751.047.850
Công ty CP Mía Đường Sơn Dương	21.504.025.000	21.504.025.000	574.000.000	574.000.000
Công ty TNHH MTV Viger Hà Nội	-	-	1.177.047.850	1.177.047.850

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.520.000	4.780.207.218
Công ty TNHH Thương mại Du lịch Hoa Lâm	15.520.000	15.520.000
Công ty TNHH MTV Viger Hà Nội	-	4.764.687.218
b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	4.764.687.218
Công ty TNHH MTV Viger Hà Nội	-	4.764.687.218

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	476.850.607	4.465.398.174	4.563.592.425	378.656.356
Thuế tiêu thụ đặc biệt	4.880.251.945	23.282.550.707	24.210.093.549	3.952.709.103
Thuế thu nhập doanh nghiệp	114.020.222	485.140.875	494.020.222	105.140.875
Thuế thu nhập cá nhân	9.250.000	44.116.115	44.106.000	9.260.115
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	888.947.560	888.947.560	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	5.480.372.774	29.169.153.431	30.203.759.756	4.445.766.449

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	188.062.485	116.574.668
Lãi vay phải trả	1.817.485	2.365.923
Chi phí phải trả khác	186.245.000	114.208.745

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả khác ngắn hạn	1.484.366.081	2.569.839.236
Bảo hiểm xã hội	6.906.214	23.404.903
Kinh phí công đoàn	32.497.255	35.908.378
Nhận ký cược ký quỹ	30.000.000	40.000.000
Phải trả khác	1.414.962.612	2.470.525.955
- Công ty Cổ phần mía đường Sơn Dương	1.199.822.222	-
- Công ty mua bán nợ	-	2.249.023.265
- Các đối tượng khác	215.140.390	221.502.690

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	3.082.930.075	3.082.930.075	17.010.685.485	16.550.491.562	3.543.123.998	3.543.123.998
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	1.282.930.075	1.282.930.075	14.486.763.449	13.785.357.385	1.984.336.139	1.984.336.139
Ngân hàng TMCP Quân đội (ii)	1.800.000.000	1.800.000.000	2.523.922.036	2.765.134.177	1.558.787.859	1.558.787.859

Ghi chú:

- (i) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ theo Hợp đồng tín dụng số 445/2016-HĐTDHM/NHCT240-VIGER ngày 29/09/2016. Tổng hạn mức vay 5.400.000.000 VND, thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 05 tháng, lãi suất cho vay thả nổi theo quy định của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ tại thời điểm nhận nợ, lãi suất vay được điều chỉnh 01 tháng/lần. Mục đích sử dụng tiền vay để thanh toán chi phí vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và kinh doanh thương mại khác (đường, xăng dầu...) của Công ty. Khoản vay được đảm bảo bằng hệ thống văn phòng, nhà xưởng, các công trình phụ trợ nằm trên thửa đất số 2, diện tích 16.371,4 m² tại phường Thanh Miếu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ; Máy móc thiết bị phục vụ việc sản xuất bia, rượu.
- (ii) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Việt Trì theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 79182.16.353.1940834.TD ngày 03/11/2016. Tổng hạn mức vay 4.000.000.000 VND, thời hạn của mỗi khoản tín dụng trong hạn mức không vượt quá 04 tháng, lãi suất thả nổi theo quy định của Ngân hàng TMCP Quân đội - phòng giao dịch Nam Việt Trì. Mục đích sử dụng tiền vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh đồ uống (rượu bia, nước giải khát). Khoản vay được đảm bảo bằng hệ thống dây chuyền, máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất bia tại nhà máy bia Viger.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	LNST thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	24.028.500.000	3.514.412.096	832.408.718	28.375.320.814
Lãi trong năm	-	-	1.346.040.398	1.346.040.398
Phân phối lợi nhuận	-	113.669.135	(1.064.520.852)	(950.851.717)
Số dư đầu năm nay	24.028.500.000	3.628.081.231	1.113.928.264	28.770.509.495
Lãi trong năm	-	-	1.863.721.081	1.863.721.081
Phân phối lợi nhuận (i)	-	163.007.370	(1.310.450.050)	(1.147.442.680)
Giảm khác (ii)	-	-	(69.082.204)	(69.082.204)
Số dư cuối năm nay	24.028.500.000	3.791.088.601	1.598.117.091	29.417.705.692

Ghi chú:

- (i) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết số 81/NQ-VIBECO-ĐHDCĐ ngày 13/06/2016 của Đại hội Đồng cổ đông: chia cổ tức năm 2015 số tiền 961.140.000 VND.

Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Quy chế tài chính của Công ty, trích lập các quỹ như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển: 163.007.370 VND
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 163.007.370 VND
- Trích quỹ thưởng ban điều hành: 23.295.310 VND

Cổ tức đã trả trong năm là 966.487.735 VND.

- (ii) Khoản truy thu thuế GTGT theo Quyết định số 3408/QĐ-CT ngày 05/07/2016 của Cục thuế tỉnh Phú Thọ.

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hiện hành, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty là 24.028.500.000 đồng. Tại ngày 31/12/2016, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ, cụ thể như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	
	VND	Tỷ lệ (%)	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Mía Đường	17.115.000.000	71,23	17.115.000.000	17.115.000.000
Các cổ đông khác	6.913.500.000	28,77	6.913.500.000	6.913.500.000
	24.028.500.000	100,00	24.028.500.000	24.028.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

21. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Số năm nay	Số năm trước
	VND	VND
a) Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	122.232.605.924	59.107.454.530
Sản phẩm bia	42.216.776.573	38.451.424.635
Sản phẩm rượu	36.782.948	78.431.506
Nước tinh khiết	113.824.549	194.864.547
Nước giải khát	610.587.264	751.131.755
Thương mại và dịch vụ khác	79.254.634.590	19.631.602.087
b) Doanh thu đối với các bên liên quan	19.293.693.207	82.207.981.177
Công ty TNHH MTV Viger Hà Nội	19.293.693.207	73.176.978.878
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	-	9.031.002.299
Các khoản giảm trừ doanh thu	71.911.417	60.475.538
- Chiết khấu thương mại	71.911.417	60.475.538
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	122.160.694.507	59.046.978.992

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Số năm nay	Số năm trước
	VND	VND
Tổng giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
Sản phẩm bia	30.951.317.337	29.363.389.721
Sản phẩm rượu	32.298.963	65.729.075
Nước tinh khiết	41.936.024	87.290.566
Nước giải khát	536.882.012	662.084.633
Thương mại và dịch vụ khác	79.179.390.658	19.509.257.657
	110.741.824.994	49.687.751.652

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Số năm nay	Số năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.401.100	2.447.733
Cổ tức, lợi nhuận được chia	210.352.070	209.349.052
Lãi chậm trả	1.208.746.667	106.155.556
	1.422.499.837	317.952.341

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Số năm nay	Số năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	287.849.189	255.794.114
Lãi chậm trả	1.199.822.222	-
	1.487.671.411	255.794.114

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Số năm nay	Số năm trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	26.414.628	439.508.415
Chi phí bao bì, đồ dùng văn phòng	1.361.398.237	1.206.962.655
Chi phí khấu hao TSCĐ	60.703.554	65.473.428
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.908.177.294	78.992.155
Chi phí bằng tiền khác	847.209.962	361.170.440
	4.203.903.675	2.152.107.093
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	1.609.537.113	1.763.366.518
Chi phí vật liệu, dụng cụ, đồ dùng	90.930.981	52.017.663
Chi phí khấu hao TSCĐ	214.864.459	243.500.233
Thuế, phí và lệ phí	909.464.437	964.335.938
Chi phí dịch vụ mua ngoài	746.397.312	1.135.076.310
Chi phí dự phòng	-	18.728.000
Các khoản chi phí bán hàng khác	1.644.596.089	1.381.949.426
	5.215.790.391	5.558.974.088

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Số năm nay	Số năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.904.986.985	17.126.613.799
Chi phí nhân công	7.323.503.817	7.908.553.232
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.407.009.068	3.849.503.704
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.860.899.393	6.460.645.404
Chi phí khác bằng tiền	4.434.313.740	2.762.547.575
	40.930.713.003	38.107.863.714

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Số năm nay	Số năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	2.348.861.956	1.720.330.726
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	76.842.421	(19.011.052)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(210.352.070)	(209.349.052)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	287.194.491	190.338.000
- Chi phí phụ cấp HĐQT, BKS không chuyên trách	267.300.000	169.850.000
- Tiền phạt HC lĩnh vực thuế	19.894.491	1.760.000
- Trích lập DP phải thu khó đòi	-	18.728.000
Thu nhập chịu thuế	2.425.704.377	1.701.319.674
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thông thường	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	485.140.875	374.290.328
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	485.140.875	374.290.328

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp, ngoài khoản 76.842.421 VND nói trên. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Theo Hợp đồng thuê đất số 376A/HĐTĐ ngày 17/08/2009 giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ và Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Viger, Công ty được thuê 42.416,3 m² đất, thời hạn thuê đất là 40 năm kể từ ngày 01/01/1996, giá thuê đất theo quyết định của UBND tỉnh Phú Thọ.

Ngày 09/10/2012, UBND tỉnh Phú Thọ ra quyết định số 2698/QĐ-UBND thu hồi 27.205,3 m² để giao cho Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh và Dịch vụ Sông Hồng.

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	3.082.930.075	3.543.123.998
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(204.371.815)	(602.252.065)
Nợ thuần	2.878.558.260	2.940.871.933
Vốn chủ sở hữu	29.417.705.692	28.770.509.495
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	9,8%	10,2%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	204.371.815	602.252.065
Phải thu khách hàng và phải thu khác	24.328.777.451	3.195.947.281
Đầu tư tài chính dài hạn	7.000.000.000	13.000.000.000
	31.533.149.266	16.798.199.346
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	3.082.930.075	3.543.123.998
Phải trả người bán và phải trả khác	23.072.983.897	5.039.297.943
Chi phí phải trả	188.062.485	116.574.668
	26.343.976.457	8.698.996.609

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính riêng quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính riêng và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính riêng quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	204.371.815	-	204.371.815
Phải thu khách hàng và phải thu khác	24.328.777.451	-	24.328.777.451
Đầu tư tài chính dài hạn	-	7.000.000.000	7.000.000.000
	24.533.149.266	7.000.000.000	31.533.149.266
Tại ngày 31/12/2016			
Các khoản vay	3.082.930.075	-	3.082.930.075
Phải trả người bán và phải trả khác	23.072.983.897	-	23.072.983.897
Chi phí phải trả	188.062.485	-	188.062.485
	26.343.976.457	-	26.343.976.457
Chênh lệch thanh khoản thuần	(1.810.827.191)	7.000.000.000	5.189.172.809
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	602.252.065	-	602.252.065
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.195.947.281	-	3.195.947.281
Đầu tư tài chính dài hạn	-	13.000.000.000	13.000.000.000
	3.798.199.346	13.000.000.000	16.798.199.346
Tại ngày 01/01/2016			
Các khoản vay	3.543.123.998	-	3.543.123.998
Phải trả người bán và phải trả khác	5.039.297.943	-	5.039.297.943
Chi phí phải trả	116.574.668	-	116.574.668
	8.698.996.609	-	8.698.996.609
Chênh lệch thanh khoản thuần	(4.900.797.263)	13.000.000.000	8.099.202.737

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016 ở mức cao, tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính riêng năm 2015 đã được kiểm toán.



Đỗ Đình Quý
Tổng Giám đốc
Việt Trì, ngày 14 tháng 03 năm 2017

Ngô Thị Tuyết
Kế toán trưởng

Lê Thị Bùi Xuân
Người lập biểu

Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A tòa nhà Tổng Công ty 319
Số 63 Lê Văn Lương, P. Trung Hòa
Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Tel : +84-4 3577 0781
Fax: +84-4 3577 0787
Email: vacohn@vaco.com.vn
Website: www.vaco.com.vn

Văn phòng Hồ Chí Minh

Lầu 6, tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ
P. 15, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Tel : +84-8 3840 6618
Fax: +84-8 3840 6616
Email: vacohcm@vaco.com.vn

Văn phòng Hải Phòng

499 Quán Toan, P. Quán Toan,
Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
Tel : +84-31 353 4655
Fax: +84-31 353 4316
Email: vacohp@vaco.com.vn

Văn phòng Đồng Nai

79 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng,
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Tel: +84-613 828 560
Email: vacodongnai@vaco.com.vn

Hanoi Office

12A Floor, 319 Corporation Tower
No.63 Le Van Luong Street, Trung Hoa Ward
Cau Giay District, Hanoi City
Tel : +84-4 3577 0781
Fax: +84-4 3577 0787
Email: vacohn@vaco.com.vn
Website: www.vaco.com.vn

Ho Chi Minh Office

6th Floor, HUD Building, No.159 Dien Bien Phu Street
Ward 15, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City
Tel : +84-8 3840 6618
Fax: +84-8 3840 6616
Email: vacohcm@vaco.com.vn

Hai Phong Office

No. 499 Quan Toan Street, Quan Toan Ward
Hong Bang District, Hai Phong City
Tel : +84-31 353 4655
Fax: +84-31 353 4316
Email: vacohp@vaco.com.vn

Dong Nai Office

No. 79, Ha Huy Giap Street, Quyet Thang Ward,
Binh Hoa City, Dong Nai Province
Tel: +84-613 828 560
Email: vacodongnai@vaco.com.vn